TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/DS-ST
Ngày: 09 - 9 - 2024.
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Duy Tân;

Ông Lê Hoàng Điệt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Thanh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Liệt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Quang S; Cư trú tại: Ấp An Phú Đ, xã Nhơn M, huyện Kế S, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tú T; Cư trú tại: Ấp Xóm Đ, xã Thới An H, huyện Kế S, tỉnh Sóc T (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Văn T (có mặt);

2. Bà Trần Thị Yến N; Cùng cư trú tại: Ấp Phước T, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 5 năm 2024 của nguyên đơn ông Trần Quang S và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Tú T trình bày:

Vào ngày 14 tháng 6 năm 2023, ông T và bà N có vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) của ông S để đóng tiền viện phí trị bệnh cho ba ông T,

sao đó ông S chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng cho ông T mỗi lần 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) hai lần là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Lãi suất hai bên tự thoả thuận là 5%/tháng, ông T và bà N đóng lãi cho ông S được hai tháng số tiền là 4.000.000 đồng thì không đóng lãi cho đến nay. Ông S nhiều lần điện thoại và đến nhà để gặp vợ chồng ông T và bà N để lấy lại số tiền nhưng ông T và bà N hứa hẹn mà không trả cho ông S.

Ông Trần Quang S yêu cầu Tòa án giải quyết. Buộc ông Lê Văn T và bà Trần Thị Yến N có trách nhiệm trả cho ông S số tiền vay là 40.000.000 đồng và lãi suất là 16.000.000 đồng (từ ngày 14/9/2023 đến ngày 14/4/2024). Tổng cộng gốc và lãi là 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 14/9/2023 đến ngày 14/4/2024 và không yêu cầu tính lãi suất số tiền vay từ ngày 15/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 8 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị đơn ông Lê Văn T và bà Trần Thị Yến N trình bày:

Ông T và bà N thừa nhận ngày 14 tháng 6 năm 2023, ông T và bà N có vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) của ông S để đóng tiền viện phí trị bệnh cho ba ông T. Lãi suất hai bên tự thoả thuận ban đầu là 10%/tháng, ông T và bà N đóng lãi cho ông S được một tháng là 4.000.000 đồng, nhưng ông S trình bày hai tháng thì vợ chồng ông T và bà N cũng đồng ý.

Ông Trần Quang S yêu cầu Tòa án giải quyết. Buộc ông Lê Văn T và bà Trần Thị Yến N có trách nhiệm trả cho ông S số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng và lãi suất chưa đóng từ ngày 14/9/2023 đến ngày 14/4/2024 là 08 tháng, số tiền là 16.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng), thì ông T và bà N đồng ý trả số tiền gốc là 40.000.000 đồng và lãi suất chưa đóng từ ngày 14/9/2023 đến ngày 14/4/2024 là 07 tháng không phải 08 tháng, tính lãi theo quy định của pháp luật, phần đóng lãi hai tháng số tiền 4.000.000 đồng ông T và bà N không yêu cầu tính lãi lại, hiện nay hoàn cảnh khó khăn không có trả một lần cho ông S được, xin trả mỗi tháng 10.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và các bị đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Nguyên đơn cho các bị đơn vay tiền, nguyên đơn cung cấp chi tiết chuyển khoản tiền cho các bị đơn, các bị đơn cũng thừa nhận số tiền vay, từ khi vay đến nay các bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là: 4.000.000 đồng, nên nguyên đơn yêu cầu buộc các bị đơn trả số tiền vay là có căn

cứ. Tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật và không yêu cầu tính lãi suất số tiền vay là từ ngày 15/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền vay gốc là: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, các bị đơn cư trú ấp Phước T, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền vay. Trong quá trình vay các bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn trả số tiền vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền).

[3] Các bị đơn vay tiền của nguyên đơn, nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án bản chi tiết chuyển khoản tiền cho các bị đơn và các bị đơn cũng thừa nhận có vay số tiền của nguyên đơn là 40.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[4] Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật ngày 14/9/2023 đến ngày 14/4/2024 và nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất từ ngày 15/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thay đổi này của nguyên đơn.

[5] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn trả tiền vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn, sau khi vay các bị đơn đã đóng lãi cho nguyên đơn một lần, từ đó đến nay không đóng lãi cho nguyên đơn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc các bị đơn phải thanh toán số tiền vay, cho nên yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Xét yêu cầu về thời gian tính lãi suất của nguyên đơn từ ngày 14/9/2023 đến ngày 14/4/2024 là 08 tháng nhưng các bị đơn không đồng ý, các bị đơn cho rằng là 07 tháng không phải 08 tháng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên đơn yêu

cầu tính lãi suất từ ngày 14/9/2023 đến ngày 14/4/2024 (Tháng 10, tháng 11, tháng 12/2023, tháng 01, tháng 02, tháng 3 và tháng 4/2024) là 07 tháng chứ không phải 08 tháng như nguyên đơn yêu cầu. Do đó, chỉ có căn cứ chấp nhận 07 tháng lãi suất.

[7] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn phải thanh toán tiền lãi suất. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:*"Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ"* và tại thời điểm hai bên thỏa thuận tiền vay là ngày 14/6/2023 thỏa thuận không được vượt quá 50%/năm, tức là không quá (10%/năm : 12 tháng) = 0,83%/tháng. Mặc dù, theo thỏa thuận ban đầu giữa các bên nguyên đơn cho rằng lãi suất vay là 5%/tháng, còn các bị đơn cho rằng 10%/tháng. Tại tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp (Bút lục 19) nguyên đơn nhắn tin cho bị đơn ông T "Anh T vay nợ: 20,000,000 tr ngày 14/06/2023 Lãi 14 tây mỗi tháng 2,000,000 đồng", đây là lãi suất 10%/tháng không phải 5%/tháng như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên (20.000.000 đồng x 10%/tháng = 2.000.000 đồng) là phù hợp với lời trình bày của các bị đơn và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật là phù hợp so với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về thời gian tính lãi suất số tiền mà các bị đơn còn thiếu nguyên đơn cụ thể. Số tiền 40.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 7 tháng (từ ngày 14/9/2023 đến ngày 14/4/2024) = 2.332.400 đồng.

[8] Các bị đơn trình bày: Trong quá trình vay các bị đơn có đóng lãi suất 10%/tháng cho nguyên đơn số tiền là 4.000.000 đồng, nhưng nguyên đơn không thừa nhận là lãi suất 10%/tháng, nguyên đơn thừa nhận đóng lãi suất 5%/tháng, khi đóng lãi không có giấy tờ, cũng không ai biết, phần tiền lãi đã đóng cho nguyên đơn, các bị đơn không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét phần lãi đã đóng cho nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Tại phiên tòa các bị đơn xin trả mỗi tháng 10.000.000 đồng, vì hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có khả năng trả một lần cho nguyên đơn được. Tại phiên tòa do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận theo yêu cầu của bị đơn.

[10] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Các bị đơn liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.116.620 đồng (Hai triệu, một trăm mười sáu nghìn, sáu trăm hai mươi đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang S về việc yêu cầu các bị đơn ông Lê Văn T và bà Trần Thị Yến N trả tiền vay. Buộc bị đơn ông Lê Văn T và bà Trần Thị Yến N có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Trần Quang S số tiền vay gốc và lãi là: 42.332.400 đồng (Bốn mươi hai triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, bốn trăm đồng). Trong đó: Số tiền gốc là: 40.000.000 đồng và lãi suất là: 2.332.400 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng các bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền gốc chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.400.000 đồng (Một triệu, bốn trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số: 0005706 ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Các bị đơn liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.116.620 đồng (Hai triệu, một trăm mười sáu nghìn, sáu trăm hai mươi đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- Lưu hồ sơ vụ án.

Đào Thị Kiều Oanh